



yìn dì ān
印第安

proper noun · Indian (Native American)

Example Sentences

yìn dì ān rén yǒu hěn duō chuán tǒng jié rì
印第安人有很多传统节日。

Native Americans have many traditional festivals.

tā xǐ huān yán jiū yìn dì ān wén huà
他喜欢研究印第安文化。

He likes to study Native American culture.

Trace each character, then write the word on your own.

印	印	印	印	印	印	印	印				
第	第	第	第	第	第	第	第	第	第	第	第
第	第	第									
安	安	安	安	安	安	安	安	安			